TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST

Ngày: 11/02/2025

V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Châu Thanh Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Trần Giang Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở số B, đường L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Hoàng N và Nguyễn Anh T – Chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ số C - 3E, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền số 02216/2023/UQ-NCB, ngày 27/12/2023) (Trúc vắng mặt, N có mặt)

*** Bị đơn:** Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Hồng N1; cùng địa chỉ số B, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do cần vốn làm ăn nên ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N1 có ký kết hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q nhằm mục đích vay tiền, theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số: 155/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022 vay số tiền 1.310.000.000đ (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng), thời hạn vay 180 tháng; lãi suất 8,79%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm; phương thức vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay là hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất 213, tờ bản đồ 27, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng cho vay số: 128/22/HĐCV-9382, ngày 24/6/2022 vay số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng; lãi suất 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm; phương thức vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay là hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất 60, tờ bản đồ 34, tại khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng cho vay số: 042/22/HĐCV-9382, ngày 23/3/2022 vay số tiền 347.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm; phương thức vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay để tiêu dùng.

- Hợp đồng cho vay số: 154/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022 vay số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 180 tháng; lãi suất 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm; phương thức vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay là hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất 363, tờ bản đồ 11, tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông B, bà N1 tổng số tiền 4.237.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu đồng) theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 01/KUNN/155/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022; số: 01/KUNN/128/22/HĐCV-9382, ngày 27/6/2022; số: 01/KUNN/042/22/HĐCV-9382, ngày 24/3/2022 và số: 01/KUNN/154/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên, ông B, bà N1 có thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 154-1/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 09758, ngày 26/7/2022 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DB 141153 thuộc thửa 210, tờ bản đồ 29, diện tích 485,6m^2, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây

lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 154-2/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 09757, ngày 26/7/2022 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 100253 thuộc thửa 37, tờ bản đồ 30, diện tích 275,9m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 042/22/HĐTC-9382, ngày 23/3/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 03628, ngày 23/3/2022 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DC 549791 thuộc thửa 23, tờ bản đồ 49, diện tích 70,3m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Hồng N1 đứng tên. Đối với tài sản thế chấp này, ngày 24/4/2024 Ngân hàng đã giải chấp trả lại tài sản cho bà N1, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 128/22/HĐTC-9382, ngày 24/6/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 08502, ngày 24/6/2022 và đăng ký thế chấp ngày 27/6/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DE 906141 thuộc thửa 60, tờ bản đồ 34, diện tích 60,7m^2, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn B đứng tên. Đối với tài sản thế chấp này, ngày 29/10/2024 Ngân hàng đã giải chấp trả lại tài sản cho ông B, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 155/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, số 09759, ngày 26/7/2022 và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DE 906743 thuộc thửa 213, tờ bản đồ 27, diện tích 1.861,3m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong hợp đồng; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà N1 phải có nghĩa vụ thanh toán nhưng ông bà vẫn không thanh toán, nên ngày 27/12/2023 số dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/02/2025 ông B, bà N1 còn nợ tổng cộng bằng 4.175.780.000đ (trong đó tiền gốc 3.365.382.000đ; tiền lãi 810.398.000đ (lãi trong hạn 693.993.000đ; lãi quá hạn 58.582.000đ và lãi chậm thanh toán 57.823.000đ). Do ông B, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên Ngân hàng yêu cầu ông bà phải thanh toán số tiền 4.175.780.000đ và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho

đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp ông B, bà N1 không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Riêng đối với khoản vay theo hai Hợp đồng cho vay số: 128/22/HĐCV-9382, ngày 24/6/2022 và Hợp đồng cho vay số: 042/22/HĐCV-9382, ngày 23/3/2022, ông B, bà N1 đã tất toán xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Hồng N1 không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng bị đơn chưa thực hiện nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 299, 318, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông B, bà N1 hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 4.175.780.000đ; Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/02/2025 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông B, bà N1 thực hiện thanh toán cho nguyên đơn đối với 02 khoản vay theo Hợp đồng vay số: 128/22/HĐCV-9382, ngày 24/6/2022 và Hợp đồng vay số: 042/22/HĐCV-9382, ngày 23/3/2022.

+ Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+ Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 1.500.000đ và án phí dân sự sơ thẩm bằng 112.176.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng**: Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu trả lại số tiền gốc, lãi vay; mục đích vay để tiêu dùng, mua bất

động sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về "*Hợp đồng tín dụng",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Tòa án đã triệu tập bị đơn để tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ các Hợp đồng cho vay số: 155/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022 và số: 154/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022, số: 128/22/HĐCV-9382, ngày 24/6/2022 và số: 042/22/HĐCV-9382, ngày 23/3/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh V với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N1, xét về hình thức và nội dung phù hợp pháp luật, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, nên có giá trị thi hành đối với các bên tham gia giao dịch. Căn cứ các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 01/KUNN/155/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022; số: 01/KUNN/128/22/HĐCV-9382, ngày 27/6/2022; số: 01/KUNN/ 042/22/HĐCV-9382, ngày 24/3/2022 và số: 01/KUNN/154/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022 cho thấy ông B, bà N1 có nhận của Ngân hàng số tiền gốc 4.237.000.000đ là có thật, tính đến ngày 11/02/2025, ông B, bà N1 còn nợ gốc bằng 3.365.382.000đ và tiền lãi 810.398.000đ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt cho các bị đơn Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các bị đơn không có ý kiến phản đối nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật không cần phải chứng minh và khẳng định ông B, bà N1 hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi bằng 4.175.780.000đ. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã thông báo nhắc nhở nhiều lần để trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 154-1/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022; số: 154-2/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022 và số: 155/22/HĐTC-9382, ngày 26/7/2022 cho thấy các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì các Hợp đồng thế chấp đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 4 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, cho nên, các Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng

thanh toán thì tài sản thế chấp được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 042/22/HĐTC-9382, ngày 23/3/2022 và số: 128/22/HĐTC-9382, ngày 24/6/2022, Ngân hàng đã giải chấp trả lại tài sản thế chấp cho ông B, bà N1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 1.500.000đ. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên ông B, bà N1 phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Ngân hàng đã nộp tạm ứng đủ, do đó, ông B, bà N1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông B, bà N1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 112.176.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng N1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền 4.175.780.000đ (Bốn tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 3.365.382.000đ; tiền lãi 810.398.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông B, bà N1 không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 154-1/22/HĐTC-9382; số: 154-2/22/HĐTC-9382 và số:

155/22/HĐTC-9382, cùng ngày 26/7/2022; các hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng C lần lượt theo các 09758, số 09757 và số 09759, cùng ngày 26/7/2022 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cùng ngày 26/7/2022.

2. Về án phí

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Hồng N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 112.176.000đ (Một trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 56.087.000đ (Năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007404, ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về chi phí tố tụng khác

Buộc ông B, bà N1 nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

4. Nghĩa vụ thi hành án

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/02/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi chậm trả lãi (nếu có), theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay số: 155/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022; số: 154/22/HĐCV-9382, ngày 26/7/2022 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 01/KUNN/155/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022 và số: 01/KUNN/154/22/HĐCV-9382, ngày 27/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt

tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,…

Võ Tấn Thành